

Số: 713/2022/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tổ tụng Hôn nhân gia đình ;

Căn cứ Điều 55, 58, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 686/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

- Anh **Bùi Đức T**, sinh năm 1984;

Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Số 98 C, phường Q, quận B, thành phố H.

- Chị **Đỗ Thị Việt A**, sinh năm 1985;

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 98 C, phường Q, quận B, thành phố H; Nơi ở: Số P phường T, quận Đ, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08/9/2022 tại Tòa án nhân dân Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội của người yêu cầu là tự nguyện; Việc thuận tình ly hôn và các nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

[2] Về quan hệ hôn nhân của anh Bùi Đức T và chị Đỗ Thị Việt A là hợp pháp có giấy chứng nhận kết hôn số 01/2017 ngày 03/01/2017 tại Ủy ban nhân dân phường Q, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

[3] Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Đức T và chị Đỗ Thị Việt A.

- **Về con chung:** Anh Bùi Đức T và chị Đỗ Thị Việt A có 02 con chung là cháu Bùi Thiên Đ (nam), sinh ngày 29/11/2017 và cháu Bùi Thanh T (nữ), sinh ngày 26/11/2018. Giao hai con chung là cháu Đ và cháu T cho chị Việt A trực tiếp nuôi dưỡng, anh T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho mỗi cháu là 2.000.000 đồng/ tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 09/2022 cho đến khi từng con chung trưởng thành tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét.

- **Về nhà ở:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét.

- **Về nợ chung:** Anh T, chị Việt A xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Bùi Đức T tự nguyện chịu cả lệ phí ly hôn và dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2021/0002342 ngày 07/9/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Ba Đình. Anh T đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận Ba Đình ;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án Dân sự Quận Ba Đình;
- Lưu hồ sơ việc HNGĐ;

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Ngô Thị Vân

